

Số: 71/2022/QĐST - HNGĐ

K, ngày 05 tháng 5 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 54/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1991;

- Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1983;

Đều trú tại: Xóm Ngh, xã X, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam

Địa chỉ: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Việt H – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch

+ Bà Bùi Thị T, sinh năm 1942;

Địa chỉ: Xóm Ngh, xã X, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

+ Chị Bùi Thị L, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Xóm Ngh, xã X, huyện K, tỉnh Hòa Bình

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 58, 37 và Điều 60 luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và hoà giải thành của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1991 và anh Bùi Văn T, sinh năm 1983, đều trú tại: Xóm Ngh, xã X, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Bùi Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bùi Thị L và anh Bùi Văn T có hai con chung là Bùi Lương P, sinh ngày 02/5/2011 và Bùi Phước Th, sinh ngày 02/11/2012. Chị Bùi Thị L và anh Bùi Văn T thỏa thuận chị Bùi Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cả hai con và anh Bùi Văn T tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con là 1.000.000VND (một triệu) đồng/tháng (mỗi con 500.000 (năm trăm nghìn) đồng/ tháng) kể từ tháng 5/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác theo quy định của pháp luật.

Anh Bùi Văn T được quyền thăm nom con chung mà không gây ảnh hưởng đến việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Chị Bùi Thị L, anh Bùi Văn T, bà Bùi Thị T và chị Bùi Thị L xác nhận tài sản chung của vợ chồng chị L và anh T gồm: Tường bao gạch bê tông chiều dài 36m, chiều cao 2m giá trị 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng; 01 gian bếp diện tích 50m² giá trị xây dựng hết 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng xây dựng trên đất tại xóm Ngh, xã X, huyện K, tỉnh Hòa Bình, toàn bộ xây trên đất thuộc giấy chứng nhận Số 264429 tên chủ hộ ông Bùi Văn Lương (đã chết) do UBND huyện K, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 01/4/2000; 01 xe máy Hond a Vision biển kiểm soát 28B1-177.59 số máy JF 66B0679348, số khung 5819GY679291 tên chủ sở hữu Bùi Thị L, giá trị còn lại 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Chị L và anh T tự thỏa thuận tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng là 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng và ly hôn chị Bùi Thị L được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản trên; chị L có nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch chia tài sản chung là 34.000.000 (ba mươi tư triệu) đồng cho anh Bùi Văn T kể từ khi q uyết định công nhận sự th ỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật.

- Về công nợ chung: Chị Bùi Thị L và anh Bùi Văn T xác nhận có nợ ngân hàng chính sách xã hội số tiền 12.000.000VND (mười hai triệu đồng) và lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hồ sơ vay vốn mã khách hàng 7677327858 của Ngân hàng chính sách xã hội, mã món vay 6600000712976497, vay ngày 10/6/2018 theo sản phẩm vay Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn. Chị Bùi Thị L có nghĩa vụ trả nợ toàn bộ số tiền 12.000.000VND (mười hai triệu đồng) khi đến hạn và lãi phát sinh, tiếp tục thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với Ngân hàng chính sách xã hội.

- Về án phí: Chị Bùi Thị L tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000VND (*một trăm năm mươi nghìn đồng*); 150.000VND (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con và 2.000.000VND (*hai triệu đồng*) án phí dân sự chia tài sản chung đã bao gồm phần án phí của anh T, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 2.450.000VND (*Hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000796, ngày 29/3/2022, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hòa Bình. Đối trừ chị Bùi Thị L đã chấp hành xong nghĩa vụ về án phí và được hoàn trả lại 150.000VND (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HB;
- VKSND huyện K;
- VKSND tỉnh HB;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã X - nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự.
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Đà Giang.

